

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 04/2001/TT-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2001

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về Quản lý ngoại hối đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh

Thực hiện Điều 125 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn cụ thể về quản lý ngoại hối đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

1. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức được phép hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam theo quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam bao gồm:

1.1. Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài (sau đây gọi là Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài);

1.2. Bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh (sau đây gọi là Bên hợp doanh nước ngoài).

Cá nhân nước ngoài làm việc tại Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, dự án Hợp đồng hợp tác kinh doanh có ngoại hối và hoạt động ngoại hối phải thực hiện theo các quy định tại Mục II Chương I và Chương III Phần thứ Hai Thông tư số 01/1999/TT-NHNN7 ngày 16/4/1999 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về Quản lý ngoại hối.

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Bên hợp doanh nước ngoài khi thực hiện các giao dịch có liên quan đến ngoại hối, gồm: Mở và sử dụng tài khoản tại

ngân hàng trong và ngoài nước; Chuyển đổi ngoại tệ; Chuyển vốn vào và ra khỏi Việt Nam; Chuyển lợi nhuận ra nước ngoài; Tỷ giá; Thông tin báo cáo, phải chấp hành đúng các quy định của Thông tư này và các quy định khác về quản lý ngoại hối hiện hành của Việt Nam.

Hoạt động ngoại hối của các Tổ chức tín dụng, Quỹ Đầu tư có vốn đầu tư nước ngoài và các hình thức đầu tư gián tiếp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

II. MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN Ở NGÂN HÀNG HOẠT ĐỘNG TẠI VIỆT NAM

3. Mở và sử dụng tài khoản tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ:

3.1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên hợp doanh nước ngoài phải mở tài khoản tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ tại một Ngân hàng được phép kinh doanh ngoại hối (sau đây gọi là Ngân hàng được phép) để thực hiện các giao dịch chuyển vốn của nhà đầu tư nước ngoài, bao gồm:

- a) Vốn pháp định hoặc vốn thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh của Nhà đầu tư nước ngoài chuyển vào và ra khỏi Việt Nam;
- b) Tiền gốc của các khoản vay nước ngoài trung và dài hạn chuyển vào và ra khỏi Việt Nam;
- c) Lãi và phí của khoản vay nước ngoài trung và dài hạn chuyển ra khỏi Việt Nam để trả nợ nước ngoài;
- d) Lợi nhuận và các khoản thu nhập hợp pháp của Nhà đầu tư nước ngoài chuyển ra khỏi Việt Nam;
- e) Các khoản vốn rút ra để chuyển vào tài khoản tiền gửi ngoại tệ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc bên nước ngoài hợp doanh;
- f) Các khoản vốn gửi vào từ tài khoản tiền gửi ngoại tệ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc bên nước ngoài hợp doanh.

3.2. Trường hợp đặc biệt, theo yêu cầu của bên cho vay nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên hợp doanh nước ngoài được phép mở thêm tài khoản để tiếp nhận vốn vay và trả nợ khoản vay nước ngoài (ngoài tài khoản tiền gửi vốn chuyên dùng ngoại tệ quy định tại Điểm 3.1 nêu trên) tại các Ngân hàng được phép.

4. Mở và sử dụng tài khoản tiền gửi ngoại tệ:

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên hợp doanh nước ngoài được mở và sử dụng tài khoản tiền gửi ngoại tệ tại các Ngân hàng được phép để phục vụ cho hoạt động của mình. Việc mở và sử dụng tài khoản tiền gửi ngoại tệ được thực hiện theo quy định tại Mục I Chương I Phần thứ Hai Thông tư số 01/1999/TT-NHNN7 ngày 16/4/1999 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về Quản lý ngoại hối.

Mọi khoản thu, chi bằng ngoại tệ của Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên hợp doanh nước ngoài đều phải thực hiện thông qua các tài khoản của mình mở ở Ngân hàng được phép, chấp hành các quy định tại Thông tư này và các quy định về quản lý ngoại hối hiện hành.

5. Mở và sử dụng tài khoản tiền đồng Việt Nam:

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Bên hợp doanh nước ngoài hoạt động tại Việt Nam được mở tài khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng. Việc mở và sử dụng tài khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và theo hướng dẫn của Ngân hàng nơi Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Bên hợp doanh nước ngoài mở tài khoản.

III. MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN NGOẠI TỆ Ở NƯỚC NGOÀI

6. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được mở tài khoản tại các ngân hàng ở nước ngoài để thực hiện các khoản vay vốn trung và dài hạn nước ngoài theo quy định tại Điểm 2 Mục I Chương V Phần thứ Hai Thông tư số 01/1999/TT-NHNN7 ngày 16/4/1999 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về Quản lý ngoại hối.

7. Ngoài việc mở tài khoản theo quy định tại Điểm 6 của Thông tư này, trong trường hợp đặc biệt, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước cho phép mở tài khoản ở nước ngoài để phục vụ các mục đích khác trên cơ sở các điều kiện sau:

7.1. Doanh nghiệp thuộc diện đầu tư đặc biệt quan trọng theo chương trình của Chính phủ;

7.2. Doanh nghiệp đầu tư dưới hình thức BOT, BTO, BT cần mở tài khoản ở nước ngoài để thực hiện các cam kết của mình;

7.3. Doanh nghiệp đầu tư trong các ngành Hàng không, Hàng hải, Bưu điện, Bảo hiểm, Du lịch có hoạt động kinh doanh quốc tế cần mở tài khoản ở nước ngoài để thực hiện thanh toán bù trừ theo thông lệ quốc tế;

7.4. Các doanh nghiệp được phép mở chi nhánh hoặc văn phòng đại diện ở nước ngoài cần mở tài khoản để phục vụ cho hoạt động của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện ở nước ngoài;

8. Đối với các trường hợp khác ngoài quy định tại Điểm 7 của Thông tư này, căn cứ nhu cầu và sự cần thiết mở tài khoản ở nước ngoài, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét quyết định.

9. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể về mục đích, thời hạn sử dụng và số dư ngoại tệ trên tài khoản tại Quyết định cho phép mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài đối với từng trường hợp (Mẫu số 8).

10. Hồ sơ xin mở tài khoản ở nước ngoài: Các đối tượng quy định tại Điểm 7, 8 của Thông tư này muốn mở tài khoản ở nước ngoài phải gửi hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối). Hồ sơ gồm:

10.1. Đơn xin cấp giấy phép mở và sử dụng tài khoản ở nước ngoài (Mẫu số 1);

10.2. Văn bản giải trình sự cần thiết mở tài khoản ở nước ngoài;

11.3. Bản sao Giấy phép đầu tư có công chứng;

10.4. Dự kiến kế hoạch thu chi ngoại tệ hàng tháng của tài khoản mở ở nước ngoài.

Trong phạm vi 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm xem xét để quyết định cho phép hay không cho phép Doanh nghiệp mở tài khoản ở nước ngoài. Trường hợp không cho phép mở tài khoản ở nước ngoài thì phải nêu rõ lý do.

11. Các dự án đầu tư thuộc đối tượng của Luật dầu khí được mở tài khoản ở nước ngoài theo quy định của Luật dầu khí và chậm nhất, sau 15 ngày kể từ ngày mở tài khoản ở nước ngoài phải thực hiện đăng ký tài khoản với Ngân hàng Nhà nước - Vụ Quản lý ngoại hối (Mẫu số 2).

IV. CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ

12. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên hợp doanh nước ngoài được mua ngoại tệ tại các Ngân hàng được phép để đáp ứng cho các giao dịch sau đây:

12.1. Giao dịch vãng lai quy định tại Phụ lục 3 Thông tư số 01/1999/TT-NHNN7 ngày 16/4/1999 hướng dẫn thi hành Nghị định số 63/1998/NĐ-CP ngày 17/8/1998 của Chính phủ về Quản lý ngoại hối;

12.2. Các giao dịch được phép khác, bao gồm:

a) Trả nợ gốc, lãi, phí đối với khoản vay nước ngoài ngắn hạn (nếu các điều kiện khoản vay phù hợp với quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc vay và trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp);

b) Trả nợ gốc, lãi, phí đối với khoản vay nước ngoài trung và dài hạn đã đăng ký với Ngân hàng Nhà nước;

c) Trả nợ gốc, lãi, phí khoản vay ngoại tệ tại các Ngân hàng được phép hoạt động ở Việt Nam;

d) Chuyển vốn pháp định, vốn tái đầu tư hoặc vốn thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh ra nước ngoài khi chấm dứt hoạt động do hết thời hạn hoạt động hoặc giải thể trước hạn (kể cả trường hợp chuyển nhượng vốn).

13. Đối với Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên hợp doanh nước ngoài thuộc các dự án đặc biệt quan trọng đầu tư theo chương trình của Chính phủ, căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại Giấy phép đầu tư về việc bảo đảm cân đối ngoại tệ đối với từng dự án, các Ngân hàng được phép đáp ứng cân đối ngoại tệ cho Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên hợp doanh nước ngoài. Trường hợp không có đủ ngoại tệ để đáp ứng nhu cầu chuyển đổi, Ngân hàng được phép báo cáo Ngân Hàng Nhà Nước (Vụ Quản lý ngoại hối) để Ngân hàng Nhà nước đáp ứng ngoại tệ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

14. Đối với Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Bên hợp doanh nước ngoài thuộc các dự án xây dựng công trình kết cấu hạ tầng và một số dự án quan trọng khác, trong trường hợp các Ngân hàng được phép có khó khăn, không đáp ứng đủ nhu cầu chuyển đổi ngoại tệ, Ngân hàng được phép phải báo cáo Ngân